



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
CÔNG NGHỆ CMC
CMC CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom - Happiness

Số/No.: 222/2026/CMC/CV – VPTD

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2026

Hanoi, July 31, 2026

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
CHANGE IN PERSONNEL

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/State Securities Commission

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Vietnam Exchange

**Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Stock
Exchange**

Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2026/NQ - ĐHĐCĐ ngày 31/07/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty như sau:

Based on AGM Resolution No. 01/2026/NQ-DHDCD dated 31 July 2026 of the Annual General Meeting of Shareholders 2026 of CMC Corporation, we would like to announce the personnel changes of the Company as follows:

Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment:

1. Ông/Mr.: **Nguyễn Trung Chính/Nguyen Trung Chinh**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization: Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT)/Chairman of the BOD
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position: Thành viên HĐQT/Member of BOD
- Thời hạn bổ nhiệm/Term: Theo nhiệm kỳ của HĐQT (2026 – 2031)/In accordance with the tenure of the BOD (2026-2031)

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

2. Ông/Mr.: **Hồ Thanh Tùng/Ho Thanh Tung**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn/ *Executive Vice President*

- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên HĐQT/*Member of BOD*

- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của HĐQT (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOD (2026-2031)*

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

3. Ông/Mr.: **Nguyễn Minh Đức/Nguyen Minh Duc**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Thành viên HĐQT/*Member of BOD*

- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên HĐQT/*Member of BOD*

- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của HĐQT (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOD (2026-2031)*

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

4. Ông/Mr.: **Gum Ki Ho**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Thành viên HĐQT/*Member of BOD*

- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên độc lập HĐQT/*Independent Member of the BOD*

- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của HĐQT (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOD (2026-2031)*

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

5. Ông/Mr.: **Kwon Oh Soo**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Thành viên HĐQT/*Member of BOD*

- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên độc lập HĐQT/*Independent Member of the BOD*
- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của HĐQT (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOD (2026-2031)*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

6. Ông/Mr.: **Lê Việt Hà/ Le Viet Ha**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Thành viên độc lập HĐQT/*Independent Member of the BOD*
- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên HĐQT/*Member of BOD*
- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của HĐQT (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOD (2026-2031)*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

7. Ông/Mr.: **Nguyễn Xuân Việt/ Nguyen Xuan Viet**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Không/*None*
- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên độc lập HĐQT/*Independent Member of the BOD*
- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của HĐQT (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOD (2026-2031)*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

8. Ông/Mr.: **Hà Thế Vinh/ Ha The Vinh**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Thành viên HĐQT/*Member of BOD*
- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên HĐQT/*Member of BOD*
- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của HĐQT (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOD (2026-2031)*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

9. Ông/Mr.: **Hà Thế Phương/ Ha The Phuong**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Không/*None*
- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên HĐQT/*Member of BOD*
- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của HĐQT (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOD (2026-2031)*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

10. Bà/Ms.: **Mai Thu Hà/ Mai Thu Ha**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Trưởng Ban kiểm soát/*Head of the Supervisory Board*
- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên Ban Kiểm soát/*Member of BOS*
- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOS (2026-2031)*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

11. Ông/Mr.: **Jang Sung Gon**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Không/*None*
- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên Ban Kiểm soát/*Member of BOS*
- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOS (2026-2031)*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

12. Bà/Ms.: **Trần Mỹ Lê/ Tran My Le**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Không/*None*
- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên Ban Kiểm soát/*Member of BOS*
- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: Theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát (2026 – 2031)/*In accordance with the tenure of the BOS (2026-2031)*

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 31/07/2026

Trường hợp miễn nhiệm/*In case of dismissal*:

1. Ông/Mr.: Nguyễn Danh Lam/*Nguyen Danh Lam*

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/*Former position in the organization*: Thành viên độc lập HĐQT/*Independent Member of the BOD*

- Không còn đảm nhận chức vụ/*Dismissed position*: Thành viên độc lập HĐQT/*Independent Member of the BOD*

- Chức vụ còn nắm giữ: Không có. Sau khi miễn nhiệm, ông Lam không còn là người nội bộ của công ty/ *Current position: None. After the dismissal/resignation, Mr. Lam is no longer an internal person of the company.*

- Lý do miễn nhiệm /*Reason*: Hết nhiệm kỳ/ *upon expiry of the term of office*

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: Từ ngày 31/07/2026/ *From 31 July 2026.*

2. Ông/Mr.: Trương Tuấn Lâm/*Truong Tuan Lam*

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/*Former position in the organization*: Thành viên độc lập HĐQT/*Independent Member of the BOD*

- Không còn đảm nhận chức vụ/*Dismissed position*: Thành viên độc lập HĐQT/*Independent Member of the BOD*

- Chức vụ còn nắm giữ: Không có. Sau khi miễn nhiệm, ông Lâm không còn là người nội bộ của công ty/ *Current position: None. After the dismissal/resignation, Mr. Lam is no longer an internal person of the company.*

- Lý do miễn nhiệm /*Reason*: Hết nhiệm kỳ/ *upon expiry of the term of office*

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: Từ ngày 31/07/2026/ *From 31 July 2026.*

3. Ông/Mr.: Nguyễn Phước Hải/*Nguyen Phuoc Hai*

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/*Former position in the organization*: Thành viên HĐQT/*Member of the BOD*

- Không còn đảm nhận chức vụ/*Dismissed position*: Thành viên HĐQT/*Member of the BOD*

- Chức vụ còn nắm giữ: Không có. Sau khi miễn nhiệm, ông Hải không còn là người nội bộ của công ty/ *Current position: None. After the dismissal/resignation, Mr. Hai is no longer an internal person of the company.*

- Lý do miễn nhiệm /Reason: Hết nhiệm kỳ/ *upon expiry of the term of office*

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: Từ ngày 31/07/2026/ *From 31 July 2026.*

4. Ông/Mr.: Tạ Hoàng Linh/Ta Hoang Linh

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/Former position in the organization: Thành viên Ban Kiểm soát/Member of the BOS

- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed position: Thành viên Ban Kiểm soát/Member of the BOS

- Chức vụ còn nắm giữ: Không có. Sau khi miễn nhiệm, ông Linh không còn là người nội bộ của công ty/ *Current position: None. After the dismissal/resignation, Mr. Linh is no longer an internal person of the company.*

- Lý do miễn nhiệm /Reason: Hết nhiệm kỳ/ *upon expiry of the term of office*

5. Ông/Mr.: Nguyễn Thành Nam/ Nguyen Thanh Nam

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/Former position in the organization: Thành viên Ban Kiểm soát/Member of the BOS

- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed position: Thành viên Ban Kiểm soát/Member of the BOS

- Chức vụ còn nắm giữ: Không có. Sau khi miễn nhiệm, ông Nam không còn là người nội bộ của công ty/ *Current position: None. After the dismissal/resignation, Mr. Nam is no longer an internal person of the company.*

- Lý do miễn nhiệm /Reason: Hết nhiệm kỳ/ *upon expiry of the term of office*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/07/2026 tại đường dẫn <https://www.cmc.com.vn/shareholder/cong-bo-thong-tin-nam-2026/> This information was published on the company's website on 31 July 2026, as in the link <https://www.cmc.com.vn/shareholder/cong-bo-thong-tin-nam-2026/>.

**Tài liệu đính kèm/Attached
documents:**

- Nghị quyết về việc thay đổi nhân sự;
Resolution on the change in personnel.
- Danh sách người có liên quan (Phụ
lục II - Danh sách người nội bộ và
những người có liên quan)/*List of
related persons (Appendix II - List of
insiders and their related persons).*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information



Lê Thanh Sơn



Số / No: 01/2026/NQ ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2026

Hanoi, July 31, 2026

NGHỊ QUYẾT

RESOLUTION

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2026 CMC CORPORATION

Căn cứ / Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
The Law on Enterprises 2020, the amended Law on Enterprises 2025, and guiding documents for implementation;
- Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Chứng khoán sửa đổi 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
The Law on Securities 2019, the amended Law on Securities 2024, and guiding documents for implementation;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC;
The Charter of CMC Corporation;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ngày 31/07/2026.
Minutes of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of CMC Corporation dated 31 July 2026.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được tổ chức tại Khách sạn Movenpick Living West, số 21 Duy Tân, Phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội vào ngày **31/07/2026** với **118 cổ đông** tham dự trực tiếp và ủy quyền tham dự, đại diện cho **179.447.509 cổ phần**, đạt tỷ lệ **77,049%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

*On **July 31, 2026**, at Mövenpick Living West Hanoi, 21 Duy Tan Street, Cau Giay Ward, Hanoi the Annual General Meeting of Shareholders 2026 was held with the participation of **118 shareholders** and authorized representatives that own **179,447,509** voting shares accounting for **77,049%** of the total voting shares of the company. The AGM has discussed and voted to ratify the following:*

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị

Approval of the Report of the Board of Directors

Tỷ lệ biểu quyết thông qua báo cáo đạt: 99,879%

Approval Rate: 99,879% of the total vote.

2. Thông qua Báo cáo của Ban Điều hành

Approval of the Report of the Board of Management

Tỷ lệ biểu quyết thông qua báo cáo đạt: 99,884%

Approval Rate: 99,884% of the total vote.

3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát

Approval of the Report of the Board of Supervisors

Tỷ lệ biểu quyết thông qua báo cáo đạt: 97,745%

Approval Rate: 97,745% of the total vote.

4. Thông qua Tờ trình số 01/2026/TT ĐHĐCĐ-CMC về “Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm tài chính 2025, phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025 và kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2026”

Approval of Proposal No. 01/2026/TT ĐHĐCĐ-CMC regarding “Approval of the Audited Financial Statements for Fiscal Year 2025, Profit Distribution Plan for Fiscal Year 2025, and Business Plan for Fiscal Year 2026”

4.1 Thông qua các Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC năm 2025.

Approval of the Audited financial statements of CMC Corporation of fiscal year 2025.

4.2 Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Approval of the FY 2025 Profit Distribution Plan:

Đơn vị: đồng / Unit: VND

TT No.	Chỉ tiêu Indicators	Năm 2025 Fiscal year 2025		Kế hoạch 2025 Plan 2025		Tỷ lệ hoàn thành Completion Rate
		Tỷ lệ (%)	Giá trị Amount	Tỷ lệ (%)	Giá trị Amount	
1	Lợi nhuận sau thuế (công ty mẹ) <i>Earning after tax (Separated FS)</i>		265.182.031.894		276.572.455.919	96%

2	Trích lập các quỹ năm 2025 (*) Funds appropriation 2025		(41.103.214.944)		(49.783.042.065)	83%
	- Trích quỹ Khoa học công nghệ <i>Scientific and technological development fund</i>	-10,0%	(26.518.203.189)	-10,0%	(27.657.245.592)	96%
	- Trích quỹ KTPL <i>Bonus and welfare fund</i>	-4,5%	(11.933.191.435)	-7,0%	(19.360.071.914)	62%
	- Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS <i>Bonus for BOD & BOS</i>	-1,0%	(2.651.820.319)	-1,0%	(2.765.724.559)	96%
3	Lợi nhuận năm 2025 sau khi trích lập các quỹ Remaining profit 2025 after distributing funds (3) = (1) + (2)		224.078.816.950		226.789.413.854	99%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại các năm trước/ Remaining undistributed profit after tax previous years		9.183.263.725		6.589.466.725	
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/03/2026 sau khi trích lập các quỹ Undistributed profit after tax at 31/03/2026 after distributing funds (5) = (3) + (4)		233.262.080.675		233.378.880.579	100%
6	Số lượng cổ phần tại ngày 25/06/2026 Number of shares at 25/06/2026		232.900.908		232.430.888	100%
7	Đề xuất cổ tức bao gồm Proposed dividend payment including	10,0%	232.900.908.000	10,0%	232.430.888.000	100%
	Cổ tức bằng cổ phiếu / <i>In stocks</i>	10,0%	232.900.908.000			

(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/07/2025.

(*) According to the Resolution of the AGM, No. 01/2025/ NQ-DHDCD dated July 29, 2025.

❖ Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận như trên và chia cổ tức cho cổ đông năm 2025 như sau:

The AGM approved the above profit distribution plan & dividend payment to shareholders: for FY2025 as follows:

1. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 : **10%**
Dividend ratio for FY2025
2. Hình thức chi trả : **10% bằng cổ phiếu / 10% in stocks.**
Payment method
3. Mục đích chi trả bằng cổ phiếu : Tăng vốn điều lệ để tái đầu tư, tăng vốn cho các đơn vị thành viên, tài trợ dự án: Dự án giáo dục, Dự án Data Center, các dự án đầu tư sản phẩm an ninh an toàn thông tin và các dự án hạ tầng kỹ thuật.
Purpose of payment dividend by stock
To increase charter capital for reinvestment, increase capital for components, projects financing: Education project, data center projects, investment projects on cybersecurity products, and technical infrastructure projects.
4. Phương án xử lý cổ phần lẻ : Cổ phần phát hành để chi trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.
Fractional shares solution
Shares issued for dividend payment will be rounded down to the nearest whole number, and the fractional part will be discarded.

❖ Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian và triển khai các thủ tục chi trả cổ tức năm 2025 cho các cổ đông như sau:

The AGM assigns the Board of Directors to decide the time and to implement the procedures for distributing dividends for FY2025 as follows:

- Quyết định thời gian phát hành cổ phần trả cổ tức năm 2025 cho các cổ đông Công ty;
To decide on the timing of the stock issuance for FY2025 dividend payment;
- Tiến hành các thủ tục và ban hành các văn bản cần thiết để phát hành cổ phần trả cổ tức năm 2025 với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có liên quan.
To proceed with the procedures and to issue necessary documents for the stock issuance with the State Securities Commission and related agencies.

- Xác định chính xác tổng số cổ phần phát hành sau khi chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

To determine actual number of issued shares after closing the list of shareholders to pay stocks dividend, to report to authority and disclose information according to the provisions of law.

- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phần nêu trên tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

To proceed with the procedures for registration and additional listing the issued stock dividend at Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and Ho Chi Minh Stock Exchange.

- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và ban hành các văn bản, tài liệu cần thiết để thực hiện các thủ tục nêu trên.

To proceed with the procedures and to issue necessary documents to change the contents of business registration.

- Sửa đổi bổ sung khoản 1 Phụ lục 2 Điều lệ Công ty (tăng vốn điều lệ và số cổ phần đã phát hành) sau khi hoàn tất các thủ tục phát hành cổ phần để trả cổ tức năm 2025.

To amend and supplement Clause 1, Appendix 2 of the Charter of the Company (increasing charter capital and the number of issued shares) after completing the procedures of stock issuance for dividend payment of FY2025.

- ❖ Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng năm 2026 cổ tức trong kỳ (nếu có).

The AGM authorizes the Board of Directors to decide on the interim dividend advance for 2026 (if any).

4.3 Thông qua Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026:

Approval of the Revenue and Profit plan for FY 2026:

- ❖ Thông qua Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận hợp nhất năm tài chính 2026 của Tập đoàn Công nghệ CMC:

Approval of the consolidated revenue and profit plan for FY 2026 of CMC Corporation:

Đơn vị: đồng / Unit: VND

STT No.	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Năm tài chính 2026 <i>Fiscal year 2026</i> (01/04/2026 – 31/03/2027)	Năm tài chính 2025 <i>Fiscal year 2025</i> (01/04/2025 – 31/03/2026)	Tăng trưởng <i>Growth</i> (%)
1	Doanh thu thuần hợp nhất (sau loại trừ doanh thu các công ty liên kết và nội bộ) <i>Consolidated net revenue (after eliminating revenues from associates and internal companies)</i>	11.403.488.021.199	9.560.786.161.248	19,3%
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế, lãi vay, khấu hao và phân bổ <i>Earnings before tax, interest, depreciation and amortization</i>	1.384.173.216.170	1.178.977.328.197	17,4%
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất (sau loại trừ doanh thu các công ty liên kết và nội bộ) <i>Consolidated accounting profit before tax (after eliminating revenues from associates and internal companies)</i>	633.988.446.331	611.899.450.326	3,6%
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất <i>Consolidated profit after tax</i>	529.949.629.290	516.833.323.173	2,5%

❖ Thông qua Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận năm tài chính 2026 của Công ty mẹ:

Approval of the Separate revenue and profit plan for FY 2026 of CMC Corporation:

Đơn vị: đồng / Unit: VND

STT No.	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Năm tài chính 2026 <i>Fiscal year 2026</i> (01/04/2026 – 31/03/2027)	Năm tài chính 2025 <i>Fiscal year 2025</i> (01/04/2025 – 31/03/2026)	Tăng trưởng <i>Growth</i> (%)
1	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Net revenue from operating activities</i>	310.767.749.381	272.655.077.361	14,0%

2	Doanh thu hoạt động tài chính (Lợi nhuận chuyển về từ các công ty thành viên) <i>Financial income (Dividend received from subsidiaries)</i>	328.086.014.274	280.888.751.500	16,8%
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế, lãi vay, khấu hao và phân bổ <i>Earnings before tax, interest, depreciation and amortization</i>	397.349.426.186	341.084.047.248	16,5%
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Accounting profit before tax</i>	290.191.140.679	265.240.028.234	9,4%
5	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	290.133.144.339	265.182.031.894	9,4%

❖ Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:
Approval of the Plan for profit distribution 2026:

Đơn vị: đồng / Unit: VND

STT No.	Chỉ tiêu Indicators	Tỷ lệ Rate	Năm tài chính 2026 Fiscal year 2026 (01/04/2026 - 31/03/2027)
1	Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ) <i>Earning after tax (Separated FS)</i>		290.133.144.339
2	Trích lập các quỹ năm 2026 (*) <i>Funds appropriation 2026</i>		(46.421.303.094)
	- Trích quỹ KHCN <i>Scientific and technological development fund</i>	-10%	(29.013.314.434)
	- Trích quỹ KTPL <i>Bonus and welfare fund</i>	-5%	(14.506.657.217)
	- Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS <i>Bonus for BOD & BOS</i>	-1%	(2.901.331.443)
3	Lợi nhuận năm 2026 sau khi trích lập các quỹ <i>Remaining profit 2026 after distributing funds (3) = (1) + (2)</i>		243.711.841.245
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại các năm trước <i>Remaining undistributed profit after tax previous years</i>		361.172.675

5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/03/2027 sau khi trích lập các quỹ <i>Undistributed profit after tax at 31/03/2027 after distributing funds (5) = (3) + (4)</i>		244.073.013.920
6	Số lượng cổ phần dự kiến lưu hành tại ngày 31/03/2027 (sau khi trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, chưa tính số cổ phần ESOP được phát hành năm 2026 và số Cổ phần ESOP bị thu hồi năm 2026 (nếu có)) <i>Number of shares at 31/03/2027 (after paying dividend in 2025 by shares, excluding the number of ESOP issued in 2026 and the number of ESOP shares redeemed in 2026 (if any))</i>		256.190.999
7	Đề xuất cổ tức <i>Dividend proposed</i>	9,5%	243.381.449.050

Tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt: 99,884%

Approval Rate: 99,884% of the total vote.

5. Thông qua nội dung Tờ trình số 02/2026/TT ĐHĐCĐ – CMC về “Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2019 và Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu triển khai Dự án tổ hợp Không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội”.

Approval of the Proposal No.02/2026/TT DHDCCD-CMC regarding “Report on the utilization of capital proceeds from the 2019 private placement of shares & Report on the utilization of proceeds from the bond issuance for the implementation of the CMC Creative Space Project in Hanoi”

Tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt: 97,750%

Approval Rate: 97,750% of the total vote.

6. Thông qua nội dung Tờ trình số 03/2026/TT ĐHĐCĐ-CMC về “Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính giai đoạn từ năm 2026 - 2028”

Approval of the Proposal No.03/2026/TT DHDCCD-CMC regarding “Selection of an independent auditing firm for the fiscal year from 2026 to 2028”

Tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt: 99,885%

Approval Rate: 99,885% of the total vote.

7. Thông qua nội dung: Báo cáo kết quả thu hồi Cổ phiếu ESOP của Người lao động nghỉ việc theo Quy chế phát hành cổ phần cho cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC, tại Tờ trình số 04/2026/TT ĐHĐCĐ-CMC về “Phương án phát hành Cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) - Báo cáo kết quả thu hồi Cổ phiếu ESOP của Người lao động nghỉ việc”

Approval of the content: Report on the Results of ESOP Share Repurchase from Resigned Employees under the ESOP Regulations of CMC Corporation - of Proposal 04/2026/TT ĐHĐCĐ-CMC regarding “The Plan for Issuance of Shares under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP) - Report on Results of Repurchase of ESOP Shares from Resigned Employees”.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt: 97,641%

Approval Rate: 97,641% of the total vote.

8. Thông qua nội dung Tờ trình số 05/2026/TT ĐHĐCĐ-CMC về “Sửa đổi, cập nhật ngành nghề kinh doanh & Sửa đổi Điều lệ Công ty”

Approval of the Proposal No.05/2026/TT DHDĐ-CMC regarding “Amendment and Update of Business lines & Amendment of the Company’s Charter”

- 8.1 Thông qua việc sửa đổi, cập nhật ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Approval of the amendment and update of the Company’s Business lines

- Cập nhật, điều chỉnh các ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Update and align the Company’s business lines in accordance with Decision No. 36/2025/QĐ-TTg on the Vietnam Standard Industrial Classification.

- Chi tiết các ngành nghề kinh doanh được sửa đổi, cập nhật được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết.

Details of the business lines to be amended and updated are set out in Appendix 01 attached to this Resolution.

- 8.2 Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Approval of the amendment of CMC Corporation’s Charter

Thông qua việc sửa đổi, cập nhật nội dung về ngành, nghề kinh doanh tương ứng tại Phụ lục 1 Điều lệ Công ty (Ngành nghề kinh doanh của Công ty).

Approving the amendment and update of the contents of the corresponding business lines in Appendix 1 of the Company’s Charter (the Company’s business lines).

8.3 Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tổ chức triển khai, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và ban hành các văn bản, tài liệu cần thiết để thực hiện các thủ tục nêu trên.

Approve to authorize for the BOD Chairman of CMC Corporation to organize the implementation of procedures for changing business registration and to issue necessary documents to carry out the above-mentioned procedures.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt: 97,750%

Approval Rate: 97,750% of the total vote.

9. Thông qua nội dung Tờ trình số 06/2026/TT ĐHĐCĐ-CMC về “Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031”

Approval of the Proposal No.06/2026/TT DHDCD-CMC regarding “Election of members of the Board of Directors and Board of Supervisors for the term of 2026 - 2031”

9.1 Thông qua việc Ông Hà Thế Phương là ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2026 – 2031.

Approval of Mr. Ha The Phuong as a candidate for membership of the Company's Board of Directors for the 2026 – 2031 term.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt: 85,521%

Approval Rate: 85,521% of the total vote.

9.2 Thông qua Tờ trình số 06/2026/TT ĐHĐCĐ-CMC về “Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031”

Approval of the Proposal No.06/2026/TT DHDCD-CMC regarding “Election of members of the Board of Directors and Board of Supervisors for the term of 2026 - 2031”

Tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt: 99,885%

Approval Rate: 99,885% of the total vote.

9.3 Danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031:

List of elected members of the Board of Directors and the Board of Supervisors for the 2026 - 2031 term:

❖ **Danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị / *BOD Election Result:***

TT No	Họ và Tên <i>Full Name</i>
1	Nguyễn Trung Chính
2	Kwon Oh Soo
3	Gum Ki Ho
4	Hà Thế Vinh
5	Hà Thế Phương
6	Nguyễn Minh Đức
7	Nguyễn Xuân Việt
8	Lê Việt Hà
9	Hồ Thanh Tùng

❖ **Danh sách trúng cử thành viên Ban Kiểm soát / *BOS Election Result:***

TT No	Họ và Tên <i>Full Name</i>
1	Jang Sung Gon
2	Mai Thu Hà
3	Trần Mỹ Lê

10. Thông qua nội dung Tờ trình số 07/2026/TT ĐHĐCĐ-CMC về “Chế độ thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026”

Approval of the Proposal No.07/2026/TT DHDCCD-CMC regarding “Remuneration budget for the BOD and the BOS in FY2026”

Thông qua chế độ thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát cho năm tài chính 2026 như sau:

To approve the remuneration for Members of the Board of Directors and Members of Board of Supervisors for the FY2026 as follows:

10.1 Thông qua mức thù lao cố định / *Approval of fixed payment:*

STT No.	Chức vụ / <i>Position</i>	Mức thù lao / người / tháng (VND) <i>Payment / person / month</i> <i>Đã bao gồm thuế TNCN / PIT included</i>
1	Chủ tịch HĐQT / <i>BOD Chairman</i>	9.900.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT / <i>BOD Vice Chairman</i>	8.300.000
3	Thành viên HĐQT / <i>Member of the BOD</i>	6.600.000
4	Trưởng BKS / <i>Head of the BOS</i>	8.300.000
5	Thành viên BKS / <i>Member of the BOS</i>	5.000.000

Mức thù lao trên không bao gồm / *The payment excludes:*

- Tiền lương trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát là người lao động trong công ty hoặc thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tại công ty.
Salary in case BOD or BOS member is either employee of the company or performing their intensive work for the Company.
- Các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà các thành viên HĐQT & BKS đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT & BKS của mình.
Travelling expenses, accommodation expenses or other reasonable expenses are incurred during their mission.

10.2 Thông qua mức thưởng / *Approval of bonus:*

Ngoài mức thù lao cố định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

In addition to the fixed payment mentioned above, AGM approves ratifying the bonus for BOD and BOS as follows:

- Thưởng 1% lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu lợi nhuận đạt từ 90% đến 100% kế hoạch.
Bonus 1% of profit after tax (separated financial statement) for the BOD and BOS if profit reaches from 90% to 100% of the plan.
- Thưởng 3% phần lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ vượt mức cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu lợi nhuận vượt kế hoạch.
Bonus 3% of the exceeding profit after tax (separate financial statements) for BOD and BOS if the mentioned profit exceeds the plan.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt: 95,019%

Approval Rate: 95,019% of the total vote.

11. Triển khai thực hiện Nghị quyết / Implementation and execution

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện các quyết nghị trên với mục tiêu hoàn thành các Chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, đảm bảo lợi ích của công ty và các cổ đông.

The AGM authorizes the Board of Directors to organize and implement the above resolutions with the objective of achieving the set targets, while ensuring the interests of the Company and its shareholders.

Nơi nhận / Recipients:

- Cổ đông công ty / Shareholders
- Hội đồng Quản trị / BOD
- Ban kiểm soát Công ty / BOS
- Ban điều hành Công ty / BOM
- Các cơ quan có thẩm quyền (đề báo cáo)
- Lưu VP HĐQT/ BOD Office Filing

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2026

Hanoi, 31 July 2026

T.M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ON BEHALF OF GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Chủ tọa / Chairman



Nguyễn Trung Chính

PHỤ LỤC 01 / APPENDIX 01
CHI TIẾT NGÀNH NGHỀ KINH DOANH SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT
DETAILS OF AMENDMENTS AND UPDATES TO BUSINESS LINES

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ ĐHĐCĐ ngày 31/07/2026)

(Attached to the AGM Resolution No. 01/2026/NQ-DHDCD dated July 31, 2026)

STT No.	NGÀNH NGHỀ HIỆN TẠI <i>CURRENT BUSINESS LINE</i>		NGÀNH NGHỀ DỰ KIẾN SAU KHI THAY ĐỔI <i>PROPOSED BUSINESS LINES AFTER THE AMENDMENT</i>		GHI CHÚ <i>REMARKS</i>
	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	
1.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ khoa học và công nghệ: Tư vấn, chuyển giao công nghệ; Thông tin khoa học công nghệ; <i>Other professional, scientific and technological activities not elsewhere classified</i> <i>Details: Science and technology services, including technology consultancy, technology transfer and scientific and technological information services.</i>	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ khoa học và công nghệ: Tư vấn, chuyển giao công nghệ; Thông tin khoa học công nghệ; <i>Other remaining professional, scientific and technological activities not elsewhere classified</i> <i>Details: Science and technology services, including technology consultancy, technology transfer and scientific and technological information services.</i>	7499	Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và thay thế bằng mã ngành khác <i>The business line has been abolished under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg and replaced with another business line code.</i>
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản (Không bao gồm Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6820	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2024) (Không bao gồm Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển	6810	Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và thay thế bằng mã ngành khác <i>The business line has been abolished under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg and replaced with</i>

STT No.	NGÀNH NGHỀ HIỆN TẠI <i>CURRENT BUSINESS LINE</i>		NGÀNH NGHỀ DỰ KIẾN SAU KHI THAY ĐỔI <i>PROPOSED BUSINESS LINES AFTER THE AMENDMENT</i>		GHI CHÚ <i>REMARKS</i>
	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	
	<i>Real estate consultancy, brokerage, auction services and land use rights auction services Details: Real estate business, investment, brokerage and management (excluding investment in the construction of cemetery infrastructure for the purpose of transferring land use rights together with such infrastructure).</i>		<i>nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng) Real estate business and trading of land use rights owned, used or leased by the enterprise Details: Real estate business (Article 9 of the 2024 Law on Real Estate Business). (Excluding investment in the construction of cemetery infrastructure for the purpose of transferring land use rights together with such infrastructure.)</i>		<i>another business line code.</i>
3.	<i>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin Information technology service activities and other services related to computers Details: Information technology training and education services.</i>	6209	<i>Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác Chi tiết: Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin Other computer and information technology service activities Details: Information technology training and education services.</i>	6290	<i>Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và thay thế bằng mã ngành khác The business line has been abolished under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg and replaced with another business line code.</i>
4.	<i>Sản xuất linh kiện điện tử Chi tiết: Sản xuất lắp ráp thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh truyền</i>	2610	<i>Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính Manufacture of computers and peripheral equipment</i>	2620	<i>Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và được tách ra thành</i>
			<i>Sản xuất thiết bị truyền thông</i>	2630	

STT No.	NGÀNH NGHỀ HIỆN TẠI <i>CURRENT BUSINESS LINE</i>		NGÀNH NGHỀ DỰ KIẾN SAU KHI THAY ĐỔI <i>PROPOSED BUSINESS LINES AFTER THE AMENDMENT</i>		GHI CHÚ <i>REMARKS</i>
	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	
	hình, thiết bị bưu chính viễn thông <i>Manufacture of electronic components</i> <i>Details: Manufacturing and assembly of equipment serving the information technology, electronics, radio and television broadcasting, and postal and telecommunications industries.</i>		<i>Manufacture of communication equipment</i> Sản xuất linh kiện điện tử khác <i>Manufacture of other electronic components</i>	2619	nhiều mã ngành khác. <i>The business line has been abolished under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg and replaced with another business line code.</i>
5.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung Xuất bản phần mềm. (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013); Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu Gia công và xuất khẩu phần mềm <i>Software publishing</i> <i>Details: Software production; provision of</i>	5820	Xuất bản phần mềm khác Chi tiết: Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung Xuất bản phần mềm. (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013); Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu Gia công và xuất khẩu phần mềm <i>Other software publishing</i> <i>Details: Software production; provision of</i>	5829	Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và thay thế bằng mã ngành khác <i>The business line has been abolished under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg and replaced with another business line code.</i>

STT No.	NGÀNH NGHỀ HIỆN TẠI <i>CURRENT BUSINESS LINE</i>		NGÀNH NGHỀ DỰ KIẾN SAU KHI THAY ĐỔI <i>PROPOSED BUSINESS LINES AFTER THE AMENDMENT</i>		GHI CHÚ <i>REMARKS</i>
	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	
	<i>software services, software solutions and software publishing content. Foreign-invested economic organizations conducting goods trading and activities directly related to the trading of goods shall comply with Decree No. 09/2018/NĐ-CP dated 15 January 2018 and Circular No. 34/2013/TT-BCT dated 24 December 2013. Data processing services and database-related activities; software outsourcing and software export.</i>		<i>software services, software solutions and software publishing content. Foreign-invested economic organizations conducting goods trading and activities directly related to the trading of goods shall comply with Decree No. 09/2018/NĐ-CP dated 15 January 2018 and Circular No. 34/2013/TT-BCT dated 24 December 2013. Data processing services and database-related activities; software outsourcing and software export.</i>		
6.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình <i>Other information service activities not elsewhere classified Details: System integration, investment consultancy, provision of integrated solutions and infrastructure services in</i>	6399	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Tích hợp hệ thống, cung cấp giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình <i>Web search portal activities and other information service activities Details: System integration, provision of integrated solutions and infrastructure services in</i>	6390	Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và thay thế bằng mã ngành khác <i>The business line has been abolished under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg and replaced with another business line code.</i>

STT No.	NGÀNH NGHỀ HIỆN TẠI <i>CURRENT BUSINESS LINE</i>		NGÀNH NGHỀ DỰ KIẾN SAU KHI THAY ĐỔI <i>PROPOSED BUSINESS LINES AFTER THE AMENDMENT</i>		GHI CHÚ <i>REMARKS</i>
	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	
	<i>the fields of information technology, electronics, telecommunications, and radio and television broadcasting.</i>		<i>the fields of information technology, electronics, telecommunications, and radio and television broadcasting.</i>		
7.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục <i>Educational support services</i>	8560	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Hoạt động tư vấn liên quan đến nghề nghiệp và việc làm; - Hoạt động đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Hoạt động đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Hoạt động khảo thí trong giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi học sinh; - Phát triển chương trình giảng dạy; - Hoạt động chuyên môn và phục hồi năng lực đánh giá khả năng học tập. <i>Other educational support activities</i> <i>Details:</i> • <i>Educational consultancy;</i> • <i>Career and employment counselling activities;</i> • <i>Educational guidance services;</i> • <i>Educational assessment services;</i> • <i>Educational testing and examination services;</i>	8569	Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và thay thế bằng mã ngành khác <i>The business line has been abolished under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg and replaced with another business line code.</i>

STT No.	NGÀNH NGHỀ HIỆN TẠI <i>CURRENT BUSINESS LINE</i>		NGÀNH NGHỀ DỰ KIẾN SAU KHI THAY ĐỔI <i>PROPOSED BUSINESS LINES AFTER THE AMENDMENT</i>		GHI CHÚ <i>REMARKS</i>
	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	
			• <i>Student exchange programme organization;</i> • <i>Curriculum development;</i> • <i>Professional activities and rehabilitation services relating to learning assessment capacity.</i>		
8.	Lập trình máy vi tính <i>Computer programming</i>	6201	Lập trình máy tính khác <i>Other computer programming activities</i>	6219	Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và thay thế bằng mã ngành khác <i>The business line has been abolished under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg and replaced with another business line code.</i>
9.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan <i>Data processing, hosting and related activities</i>	6311	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan <i>Information technology infrastructure, data processing, hosting and related activities</i>	6310	Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và được thay thế bằng một mã ngành khác <i>The business line has been abolished under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg and replaced with a single new business line code.</i>
10.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	6220	Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg.

STT No.	NGÀNH NGHỀ HIỆN TẠI <i>CURRENT BUSINESS LINE</i>		NGÀNH NGHỀ DỰ KIẾN SAU KHI THAY ĐỔI <i>PROPOSED BUSINESS LINES AFTER THE AMENDMENT</i>		GHI CHÚ <i>REMARKS</i>
	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	
	<i>Computer consultancy and computer system administration</i>		<i>Computer consultancy and computer infrastructure management</i>		<i>The business line has been abolished under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg.</i>
11.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính Chi tiết: Sản xuất lắp ráp các sản phẩm tin học <i>Manufacture of computers and peripheral equipment</i> <i>Details: Manufacture and assembly of information technology products.</i>	2620	Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính Chi tiết: Sản xuất lắp ráp các sản phẩm tin học <i>Manufacture of computers and peripheral equipment</i> <i>Details: Manufacture and assembly of information technology products.</i>	2620	Ngành, nghề kinh doanh bị thay đổi theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg <i>The business line has been amended pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ-TTg.</i>
12.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) Chi tiết: Sản xuất lắp ráp mua bán bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ thiết bị văn phòng <i>Manufacture of office machinery and equipment (except computers and peripheral equipment)</i> <i>Details: Manufacture, assembly, sale, warranty, maintenance and leasing of office equipment and related products and services.</i>	2817	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính) Chi tiết: Sản xuất lắp ráp mua bán bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ thiết bị văn phòng <i>Manufacture of office machinery and equipment (except computers and peripheral equipment)</i> <i>Details: Manufacture, assembly, sale, warranty, maintenance and leasing of office equipment and related products and services.</i>	2817	Ngành, nghề kinh doanh bị thay đổi theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg <i>The business line has been amended pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ-TTg.</i>

STT No.	NGÀNH NGHỀ HIỆN TẠI <i>CURRENT BUSINESS LINE</i>		NGÀNH NGHỀ DỰ KIẾN SAU KHI THAY ĐỔI <i>PROPOSED BUSINESS LINES AFTER THE AMENDMENT</i>		GHI CHÚ <i>REMARKS</i>
	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	
13.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin điện tử, phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng <i>Repair of machinery and equipment Details: Warranty, maintenance and leasing of equipment and related products and services serving the information technology, electronics, radio and television broadcasting, postal and telecommunications, and office equipment sectors.</i>	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị Chi tiết: Bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin điện tử, phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng <i>Repair and maintenance of machinery and equipment Details: Warranty, maintenance and leasing of equipment and related products and services serving the information technology, electronics, radio and television broadcasting, postal and telecommunications, and office equipment sectors.</i>	3312	Ngành, nghề kinh doanh bị thay đổi theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg
14.	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Management consultancy activities</i>	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác <i>Business management consultancy activities and other management consultancy activities</i>	7020	Ngành, nghề kinh doanh bị thay đổi theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg <i>The business line has been amended pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ-TTg.</i>
15.	Hoạt động viễn thông có dây <i>Wired telecommunications activities</i>	6110	Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh <i>Wired, wireless and satellite telecommunications activities</i>	6110	Ngành, nghề kinh doanh bị thay đổi theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg <i>The business line has been amended</i>

STT No.	NGÀNH NGHỀ HIỆN TẠI <i>CURRENT BUSINESS LINE</i>		NGÀNH NGHỀ DỰ KIẾN SAU KHI THAY ĐỔI <i>PROPOSED BUSINESS LINES AFTER THE AMENDMENT</i>		GHI CHÚ <i>REMARKS</i>
	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	Tên ngành, nghề <i>Business Line</i>	Mã ngành <i>Business Line Code</i>	
					<i>pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ- TTg.</i>
16.	Hoạt động viễn thông không dây <i>Wireless telecommunications activities</i>	6120			Ngành, nghề kinh doanh bị thay đổi theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg <i>The business line has been amended pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ- TTg.</i>
17.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học <i>Repair of electronic and optical equipment</i>	3313	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học <i>Repair and maintenance of electronic and optical equipment</i>	3313	Ngành, nghề kinh doanh bị thay đổi theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg <i>The business line has been amended pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ- TTg.</i>
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Short-stay accommodation services</i>	5510	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự <i>Hotels and similar accommodation services</i>	5510	Ngành, nghề kinh doanh bị thay đổi theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg <i>The business line has been amended pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ- TTg.</i>
			Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác <i>Other short-stay accommodation services</i>	5520	



CMC CORPORATION

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae in HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Ha noi, day 31 month 7 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission*
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*.

1/ Họ và tên /*Full name*: **NGUYỄN TRUNG CHÍNH**

2/ Giới tính/Sex: Nam/*Male*

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*:

Ngày cấp/*Date of issue*: Nơi cấp/*Place of issue*:

6/ Quốc tịch/*Nationality*: Việt Nam/*Viet nam*

7/ Dân tộc/*Ethnic*: Kinh/*Kinh*



CMC CORPORATION

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / CMC Corporation

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Thành viên Hội đồng quản trị/ Member of BOD

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

- Chủ tịch Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh
- Chủ tịch Hội đồng trường – Trường Đại học CMC
- Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC
- Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC
- Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH CMC Đà Nẵng
- Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH CMC Hòa Lạc
- Chủ tịch Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI
- Chủ tịch HĐQT – Công ty CP CMC OpenAI
- Thành viên HĐQT – Công ty CP Netnam
- Chủ tịch Công ty CP Đầu tư Đại học CMC
- Chủ tịch Công ty TNHH CMC Đà Nẵng
- Chủ tịch Công ty TNHH CMC Education
- Chairman of My Linh Investment Co., Ltd.
- Chairman of the University Council – CMC University
- Chairman of CMC Technology & Solutions Corporation Ltd.
- Chairman of the Board of Directors – CMC Telecom
- Chairman of CMC Da Nang Co., Ltd.
- Chairman of CMC Hoa Lac Co., Ltd.
- Chairman of CMC AI Digital Infrastructure Co., Ltd.
- Chairman of the Board of Directors – CMC OpenAI
- Member of the Board of Directors – NetNam
- Chairman of CMC University Investment JSC



CMC CORPORATION

- Chairman of CMC Da Nang Co., Ltd.
- Chairman of CMC Education Co., Ltd.

14/ Số CP nắm giữ: 14.614.911, chiếm 6,274% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares 14.614.911, accounting for 6,274% of charter capital, of which:

- + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 11.864.305 cổ phần/shares
- + Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 2.750.606 cổ phần/shares.

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không/None

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /List of affiliated persons of declarant: Danh sách đính kèm/Attached appendix

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any): Không có/None

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không có/None

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct, and I will bear full responsibility under the law.

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Nguyễn Trung Chính

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.	CMG	Phạm Thị Ngọc Uyển		Không/No	Mẹ đẻ/ Birth mother						0	0,000%
2.	CMG	Nguyễn Bích Diệp		Không/No	Chị ruột/ Older sister						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account s (if availabl e)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
3.	CMG	Nguyễn Thị Minh Tâm		Không/No	Chị ruột/ Older sister						0	0,000%
4.	CMG	Nguyễn Minh Đức		Thành viên HĐQT/ BOD Member	Anh ruột Older brother						5.348.26 9	2,296%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
									nt of Social Order			
5.	CMG	Lê Minh Thủy		Không/No	Vợ Wife						0	0,000%
6.	CMG	Nguyễn Mỹ Linh		Không/No	Con Child						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account s (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
7.	CMG	Lê Thị An Thu		Không/No	Chị dâu Sister-in- law						0	0,000%
8.	CMG	Phùng Anh Dũng		Không/No	Anh rể Brother-in- law						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
									Population Database			
9.	CMG	Trần Đức Thắng		Không/No	Anh rể Brother-in- law						0	0,000%
10.	CMG	Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh My Linh Investment Co., Ltd		Cổ đông/ Shareholder	Chủ tịch Công ty Company President						11.864.3 05	5,093%
11.	CMG	Công ty TNHH Tổng Công nghệ và Giải pháp CMC		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organization)						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
		CMC Technology and solution company limited										
12.	CMG	Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC Telecom communication infrastructure corporation		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organization)						0	0,000%
13.	CMG	Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI CMC AI		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
		Digital infrastructure company limited			organization)							
14.	CMG	Công ty TNHH CMC Investment CMC Investment Company		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organization)						0	0,000%
15.	CMG	Công ty TNHH CMC Education CMC Education Limited		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organization)						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
16.	CMG	Viện nghiên cứu ứng dụng công nghệ CMC CMC Applied Technology Institute		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organization)						0	0,000%
17.	CMG	Công ty TNHH CMC Đà Nẵng CMC Danang company limited		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organization)						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
18.	CMG	Công ty TNHH CMC Hòa Lạc CMC Hoa Lac Company Limited		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organization)						0	0,000%
19.	CMG	Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC CMC University investment joint stock company		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organization)						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
20.	CMG	Trường Đại học CMC CMC University		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organization)						0	0,000%
21.	CMG	Công ty Cổ phần CMC OpenAI CMC OpenAI Corporation		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organization)						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account s (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
22.	CMG	Công ty Cổ phần Netnam Netnam Corpora tion		Không/No	Tổ chức có liên quan Related party (being organizatio n)	L R					0	0,000%

(*) Đối với bảng này đề nghị kê khai:

- Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu;
- Các công ty mà Người nội bộ sở hữu trên 10% vốn góp
- Các công ty mà Người nội bộ giữ các chức vụ: Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Người đại diện Pháp luật.

(*) For this table, please declare:

- Biological parents, adoptive parents, parents-in-law, spouse, biological children, adoptive children, children-in-law, biological siblings, and siblings-in-law;
- Companies in which the Internal Person holds more than 10% of the charter capital;

Companies in which the Internal Person holds the position of Chairman, Director General/Chief Executive Officer, or Legal Representative.

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae in HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Việt nam, ngày 24 tháng 7 năm 2026
Viet nam, day 24 month 7 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN / CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*.

I. Về bản thân / *Personal Information*

1/ Họ và tên / *Full name*: GUM KI HO

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*:

Ngày cấp/*Date of issue* Nơi cấp/*Place of issue*.

6/ Quốc tịch/*Nationality*: Hàn Quốc/Korea

7/ Dân tộc/*Ethnic*: Hàn Quốc/Korea

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện/*Telephone number*.

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Thành viên HĐQT / *BOD Member*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Positions in other companies*: Tổng giám đốc SDSV/AP/ *President of SDSV/AP*

14/ Số CP nắm giữ: 69,343,171 chiếm 29.77 % vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares* 69,343,171, accounting for 29.77% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/ *Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation)*: Samsung SDS Asia Pacific Pte Ltd

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*: 0 cổ phần/shares

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/ *Other owning commitments (if any)*: 0 cổ phần/shares

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* / *List of affiliated persons of declarant **:

Chi tiết vui lòng xem tại Danh sách người có liên quan (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)

Please find the detail information in List of affiliated persons of declarant (attached to Curriculum Vitae)

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Related interest with public company, public fund (if any)*: Không / *None*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Interest in conflict with public company, public fund (if any)*: Không / *None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ *I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)



GUM KI HO

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related person are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ Internal person	Type of documents (ID/Passport / Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Address	Number of shares owned	Percentage of shares owned
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CMG	Samsung SDS Vietnam Co., Ltd			Tổng Giám Đốc President						0	0
2	CMG	SamSung SDS Asia Pacific Pte., Ltd			Tổng Giám Đốc President						69,343,171	29.77%
3	CMG	Samsung SDS Co., Ltd			Executive Vice President						0	0
4	CMG	Kim Kyung Hee			Vợ Wife						0	0
5	CMG	Gum Dong Min			Con Child						0	0
6	CMG	Gum Dong Won			Con Child						0	0

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae In HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Việt nam, ngày 24 tháng 7 năm 2026
Viet nam, day 24 month 7 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN / CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*.

I. Về bản thân / Personal information

1/ Họ và tên / *Full name*: KWON OHSOO

2/ Giới tính/Sex: Nam/*Male*

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*:

Ngày cấp/*Date of issue*: Nơi cấp/*Place of issue*:

6/ Quốc tịch/*Nationality*: Hàn Quốc/*Korea*

7/ Dân tộc/*Ethnic*: Hàn Quốc/*Korea*

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*: .

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Thành viên HĐQT / *BOD Member*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Positions in other companies*: Phó chủ tịch SDSV/ *SDSV VP*

14/ Số CP nắm giữ: 0 chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 0 , accounting for 0 % of charter capital, of which*:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/ *Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation)*: Không / *None*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*: 0 cổ phần/shares

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/ *Other owning commitments (if any)*: cổ phần/shares

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* / *List of affiliated persons of declarant **:

Chi tiết vui lòng xem tại Danh sách người có liên quan (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)

Please find the detail information in List of affiliated persons of declarant (attached to Curriculum Vitae)

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Related interest with public company, public fund (if any)*: Không / *None*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Interest in conflict with public company, public fund (if any)*: Không / *None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ *I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)



KWON OHSOO

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related person are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

St t	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No .	Secur ities symb ol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the compan y (if available)	Relation ship with the compan y/ internal person	Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Address	Number of shares owned	Perce ntage of share s owne d
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CMG	Samsung SDS Vietnam Co., Ltd			Phó chủ tịch VP	Giấy đăng ký kinh doanh Business Registration Certificate					0	0
2	CMG	Samsung SDS Asia Pacific Pte., Ltd			Phó chủ tịch VP	Giấy đăng ký kinh doanh Business Registration Certificate					69,343,171	29.77%
3	CMG	Samsung SDS Co., Ltd			Phó chủ tịch VP	Giấy đăng ký kinh doanh Business Registration Certificate					0	0
4	CMG	KIM YOUNGMEE			Vợ Wife	Hộ chiếu Passport					0	0
5	CMG	KWON SOOHYUN			Con Child	Hộ chiếu Passport					0	0
6	CMG	KWON HYUKJOO			Con Child	Hộ chiếu Passport					0	0

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae in HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Ha noi, day 31 month 7 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CURRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*.

1/ Họ và tên /*Full name*: **NGUYỄN MINH ĐỨC**

2/ Giới tính/*Sex*: Nam/*Male*

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*: |

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*:

Ngày cấp/*Date of issue*:

Nơi cấp/*Place of issue*:

6/ Quốc tịch/*Nationality*: Việt Nam/*Viet nam*

7/ Dân tộc/*Ethnic*: Kinh/*Kinh*

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*



CMC CORPORATION

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of BOD*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Positions in other companies*:

- Giám đốc - Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ DTSC/ *Director – DTSC Trading & Services Co., Ltd.*

14/ Số CP nắm giữ: 5.476.474, chiếm 2,36% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 4.973.133, accounting for 2,13% of charter capital, of which*:

- + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/ *Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation)*: 128.205 cổ phần/ *shares*
- + Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*: 5.348.269 cổ phần/ *shares*.

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/ *Other owning commitments (if any)*: Không có/ *None*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* / *List of affiliated persons of declarant*: Chi tiết vui lòng xem tại Danh sách người có liên quan (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)/ *Please find the detail information in List of affiliated persons of declarant (attached to Curriculum Vitae)*

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Related interest with public company, public fund (if any)*: Không có/ *None*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any)*: Không có/ *None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ *I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

Người khai

Declarer

(ký và ghi rõ họ tên)

(sign and write full name)



Nguyễn Minh Đức



CMC CORPORATION

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company / internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.	CMG	Phạm Thị Ngọc Uyển		Không/ No	Mẹ đẻ Birth Mother						0	0,000%
2.	CMG	Nguyễn Bích Diệp		Không/ No	Chị ruột/ Older sister						0	0,000%
3.	CMG	Nguyễn Thị Minh Tâm		Không/ No	Chị ruột/ Older sister						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company / internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
4.	CMG	Nguyễn Trung Chính		Chủ tịch HĐQT/ Chủ tịch Điều hành Tập đoàn Chairman of the BOD/Executive Chairman	Em ruột Younger Brother						2.750.606	1,181%
5.	CMG	Lê Thị An Thu			Không/ No	Vợ Wife					0	0,000%
6.	CMG	Nguyễn Lê Minh			Không/ No	Con Child					0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company / internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
7.	CMG	Nguyễn Nhật Minh		Không/ No	Con Child						0	0,000%
8.	CMG	Nguyễn Lê Thùy Dương		Không/ No	Con Child						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company / internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
9.	CMG	Lê Thị Dần		Không/ No	Me vợ Mother- in-law						0	0,000%
10.	CMG	Phùng Anh Dũng		Không/ No	Anh rể Brother- in-law						0	0,000%
11.	CMG	Trần Đức Thắng		Không/ No	Anh rể Brother- in-law						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relations hip with the company / internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
12.	CMG	Lê Minh Thủy		Không/ No	Em dâu Sister - in - law						0	0,000%
13.	CMG	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ DTSC		Không/ No	Giám đốc Director						128.20 5	0,055%

(*) Đối với bảng này đề nghị kê khai:

- Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu;
- Các công ty mà Người nội bộ sở hữu trên 10% vốn góp
- Các công ty mà Người nội bộ giữ các chức vụ: Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Người đại diện Pháp luật.

(*) For this table, please declare:

- Biological parents, adoptive parents, parents-in-law, spouse, biological children, adoptive children, children-in-law, biological siblings, and siblings-in-law;
- Companies in which the Internal Person holds more than 10% of the charter capital;

Companies in which the Internal Person holds the position of Chairman, Director General/Chief Executive Officer, or Legal Representative.

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae in HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2026
Ha noi, day 31 month 7 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*.

1/ Họ và tên /*Full name*: **LÊ VIỆT HÀ**

2/ Giới tính/*Sex*: Nam/*Male*

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*:

Ngày cấp/*Date of issue*

6/ Quốc tịch/*Nationality*: Việt Nam/*Viet nam*

7/ Dân tộc/*Ethnic*: Kinh/*Kinh*

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*



CMC CORPORATION

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure: Thành viên Hội đồng quản trị/ Member of BOD*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies:*

- Tổng Giám đốc - Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán An Bình
- Thành viên HĐQT - Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán An Bình
- Thành viên HĐQT – CMC Uni

General Director – An Binh Securities Fund Management JSC

Member of the BOD – An Binh Securities Fund Management JSC

Member of the University Council – CMC University

14/ Số CP nắm giữ: 4.973.133, chiếm 2,13% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 4.973.133, accounting for 2,13% of charter capital, of which:*

- + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 4.973.133*
- + Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual: 0 cổ phần/shares.*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any): Không/None*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant: Chi tiết vui lòng xem tại Danh sách người có liên quan (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)/ Please find the detail information in List of affiliated persons of declarant (attached to Curriculum Vitae)*

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): Người đại diện phần vốn góp của Cổ đông/The authorized representative of capital contribution of Shareholder*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không có/None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ *I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

LÊ VIỆT HÀ

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.	CMG	Lê Đình Lương		Không/ No	Bố Birth Father						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passp ort/ Business Registrati on Certificat e)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
2.	CMG	Nguyễn Thị Nga		Không/ No	Me Birth Mother						0	0,000%
3.	CMG	Nguyễn Thị Chung		Không/ No	Me vợ Mother-in- law						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passp ort/ Business Registrati on Certificat e)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
4.	CMG	Trần Nho Thìn		Không/ No	Bố vợ Father-in- law						0	0,000%
5.	CMG	Trần Kim Chi		Không/ No	Vợ Wife						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passp ort/ Business Registrati on Certificat e)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
6.	CMG	Lê Trần Nguyễn Khoa		Không/ No	Con Child						0	0,000%
7.	CMG	Lê Minh Nguyệt		Không/ No	Chị ruột/ Older sister						0	0,000%
8.	CMG	Lê Như Minh		Không/ No	Chị ruột/ Older sister						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passp ort/ Business Registrati on Certificat e)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
9.	CMG	Lê Hồng Hà		Không/ No	Anh rể Brother-in- law						0	0,000%
10.	CMG	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình An Binh Securities Investmen t Fund Managem ent Joint Stock Company		Không/ No	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc BOD Member, C EO						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
11.	CMG	Trường ĐH CMC CMC University		Không/ No	Tổ chức có liên quan - Related organisation						0	0,000%
12.	CMG	Quỹ đầu tư trái phiếu An Bình An Binh Bond Fund		Không/ No	Thành viên ban đại diện Represent ative Committee Member						0	0,000%

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae in HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Thứ 3, ngày 21 tháng 7 năm 2026
Tuesday, July 21st, 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN / CURRICULUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Stock Exchange
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / CMC Corporation.

I. Về bản thân / Personal information

- 1/ Họ và tên / Full name: Hà Thế Vinh
- 2/ Giới tính/Sex: Nam.....
- 3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:
- 4/ Nơi sinh/Place of birth:
- 5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):
- Ngày cấp/Date of issue Nơi cấp/Place of issue:
- 6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam.....
- 7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh.....
- 8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:
- 9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:.....

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ phần Tập Đoàn Công Nghệ CMC

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Thành viên hội đồng quản trị

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies*: Giám đốc tại Công ty Công Ty TNHH Đầu Tư MVI

14/ Số CP nắm giữ: 31.321.340..... chiếm13,45..... % vốn điều lệ, trong đó/*Number of owning shares* 31.321.340..... , accounting for 13,45 % of charter capital, of which:.....

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation)*: Công ty TNHH Đầu Tư MVI.....

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*:...0.....cổ phần/shares

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*:...0.....cổ phần/shares

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* / *List of affiliated persons of declarant* *:

Chi tiết vui lòng xem tại Danh sách người có liên quan (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)

Please find the detail information in List of affiliated persons of declarant (attached to Curriculum Vitae)

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Related interest with public company, public fund (if any)*:

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Interest in conflict with public company, public fund (if any)*:

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)



Hà Thế Vinh

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related person are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Address	Number of shares owned	Percent age of shares owned
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CMG	Hà Thế Vinh		Thành viên HĐQT							0	0,00%
2	CMG	Công ty TNHH Đầu tư MVI		Tổ chức có liên quan	Ông Hà Thế Vinh là giám đốc công ty Đầu Tư MVI						31.321.340	13,45%
3	CMG	Nguyễn Tường Vy		Không	Mẹ đẻ						68.777	0,03%
4	CMG	Trần Thị Ngọc Hân		Không	Vợ						0	0,00%

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Address	Number of shares owned	Percent age of shares owned
5	CMG	Hà Minh Châu		Không	Con						0	0,00%
6	CMG	Trần Ngọc Tuyền		Không	Bố vợ						0	0,00%
7	CMG	Lê Thị Hương		Không	Mẹ vợ						0	0,00%
8	CMG	Trần Ngọc Thoa		Không	Em vợ						0	0,00%
9	CMG	Trần Khánh Tường		Không	Em vợ						0	0,00%

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae in HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

....., ngày.... tháng ... năm....
....., day month year....

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN / CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Stock Exchange
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / CMC Corporation.

I. Về bản thân / Personal information

1/ Họ và tên / Full name: Hà Thế Phương.

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth:

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue

Nơi cấp/Place of issue

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện thoại/Telephone number:



CMC CORPORATION

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules:*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure:*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies:*.....

14/ Số CP nắm giữ: chiếm % vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares , accounting for% of charter capital, of which:*.....

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):*.....

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual:*.....cổ phần/shares

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):*.....cổ phần/shares

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* / *List of affiliated persons of declarant **:

Chi tiết vui lòng xem tại Danh sách người có liên quan (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)

Please find the detail information in List of affiliated persons of declarant (attached to Curriculum Vitae)

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Interest in conflict with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ *I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Hà Thế Phương

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related person are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Address	Number of shares owned	Percentage of shares owned
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CMG	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Không	Không	Mẹ ruột						Không	Không
2	CMG	Lê Hoàng Phương Uyên	Không	Không	Vợ						Không	Không
3	CMG	Hà Lê Phương Hà	Không	Không	Con						Không	Không
4	CMG	Lê Công Hoà	Không	Không	Bố vợ						Không	Không

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Address	Number of shares owned	Percentage of shares owned
5	CMG	Nguyễn Thị Kim Chi	Không	Không	Mẹ vợ						Không	Không

(*) Đối với bảng này đề nghị kê khai:

- Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu;
- Các công ty mà Người nội bộ sở hữu trên 10% vốn góp
- Các công ty mà Người nội bộ giữ các chức vụ: Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Người đại diện Pháp luật.

(*) For this table, please declare:

- Biological parents, adoptive parents, parents-in-law, spouse, biological children, adoptive children, children-in-law, biological siblings, and siblings-in-law;
- Companies in which the Internal Person holds more than 10% of the charter capital;
- Companies in which the Internal Person holds the position of Chairman, Director General/Chief Executive Officer, or Legal Representative.



CMC CORPORATION

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae in HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2026
Ha noi, day 31 month 7 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation.*

1/ Họ và tên /Full name: **NGUYỄN XUÂN VIỆT**

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth: I

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Nhà cấp/Date of issue:

Nơi cấp/Place of issue:

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/Viet nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh/Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence

9/ Số điện thoại/Telephone number:



CMC CORPORATION

10/ Địa chỉ email/Email

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ *Independent member of BOD*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies*:

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt/ *Vice Chairman of the Board of Directors of Bao Viet Holdings*;
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt / *Member of the MC of Bao Viet Fund Management Company*;
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) / *Vice Chairman of the Board of Directors of Vietnam National Reinsurance Corporation (VINARE)*;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt / *Member of the Board of Directors of Bao Viet Securities Joint Stock Company*;
- Chủ tịch Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam/ *Chairman of the Vietnam Insurance Association*.

14/ Số CP nắm giữ: 0, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 0, accounting for 0 % of charter capital, of which*:

- + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):...0.....
- + Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 0..... cổ phần/shares.

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*: 0

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant*:

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any)*: không có

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any)*: không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ *I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)



Nguyễn Xuân Việt

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related person are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CMG	Nguyễn Xuân Việt	001C103880	Thành viên độc lập HĐQT - BOD's independent member	Người nội bộ/ Internal person						0	0 %
2	CMG	Nguyễn Xuân Ninh			Bố đẻ - Biological father							
3	CMG	Vũ Thị Đức			Mẹ đẻ - Biological mother							
4	CMG	Chu Thị Xuân Hường			Vợ - Wife							
5	CMG	Nguyễn Minh Ánh			Con đẻ - Biological child							



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
6	CMG	Nguyễn Việt Anh			Con đẻ - Biological child				Cục Cảnh sát			
7	CMG	Nguyễn Thị Minh Hoa			Chị ruột - Biological sister							
8	CMG	Nguyễn Thị Thu			Em ruột - Biological sister							
9	CMG	Chu Văn Hồng			Anh vợ/Brother in law							
10	CMG	Chu Hữu Thế			Anh vợ/Brother in law							
11	CMG	Chu Hữu Toàn			Bố Vợ - Father in law							
12	CMG	Lê Thị Trân			Me Vợ - Mother in law							
13	CMG	Ngô Bình Nghiêm			Anh rể - Brother in law							



CMC CORPORATION

STT No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
									National Population Data			
14	CMG	Vũ Mạnh Thắng			Em rể - Sibling in law							
15	CMG	Tập đoàn Bảo Việt/Bao viet Holdings		Phó Chủ tịch HĐQT/Vice Chairman of BOD	Tổ chức có liên quan - Related organisation						52,046,549	7%

(*) Đối với bảng này đề nghị kê khai:

- Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu;
- Các công ty mà Người nội bộ sở hữu trên 10% vốn góp
- Các công ty mà Người nội bộ giữ các chức vụ: Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Người đại diện Pháp luật.

(*) For this table, please declare:

- Biological parents, adoptive parents, parents-in-law, spouse, biological children, adoptive children, children-in-law, biological siblings, and siblings-in-law;
- Companies in which the Internal Person holds more than 10% of the charter capital;

Companies in which the Internal Person holds the position of Chairman, Director General/Chief Executive Officer, or Legal Representative.



CMC CORPORATION

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae in HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Ha noi, day 31 month 7 year 2026

BÀN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*.

1/ Họ và tên /*Full name*: **HỒ THANH TÙNG**

2/ Giới tính/Sex: Nam/*Male*

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*:

Ngày cấp/*Date of issue*:

Nơi cấp/*Place of issue*:

6/ Quốc tịch/*Nationality*: Việt Nam/*Viet nam*

7/ Dân tộc/*Ethnic*: Kinh/*Kinh*

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:



CMC CORPORATION

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of BOD*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies*:

- Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH CMC Global/ *President – CMC Global Co., Ltd.*

14/ Số CP nắm giữ: 79.420, chiếm 0,034% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 79.420, accounting for 0,034 % of charter capital, of which*:

- + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0
- + Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 79.420 cổ phần/shares.

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*: Không/None

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant*:

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any)*: Không có/None

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any)*: Không có/None

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ *I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Hồ Thanh Tùng

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CMG	Nguyễn Thị Phương An		Không/No	Mẹ đẻ/ Birth mother						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
2	CMG	Nguyễn Thị Nghé		Không/No	Mẹ vợ Mother-in- law						0	0,000%
3	CMG	Nguyễn Thị Thu Hoài		Không/No	Vợ Wife						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
4	CMG	Hồ Minh Lộc		Không/No	Con Child						0	0,000%
5	CMG	Hồ Minh Bảo Anh		Không/No	Con Child						0	0,000%



CMC CORPORATION

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period
6	CMG	Công ty TNHH CMC Global CMC Global			Tổ chức có liên quan/Related Organization						0	0,000%

(*) Đối với bảng này đề nghị kê khai:

- Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu;
- Các công ty mà Người nội bộ sở hữu trên 10% vốn góp
- Các công ty mà Người nội bộ giữ các chức vụ: Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Người đại diện Pháp luật.

(*) For this table, please declare:

- Biological parents, adoptive parents, parents-in-law, spouse, biological children, adoptive children, children-in-law, biological siblings, and siblings-in-law;

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae in HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2026

Ha Noi, day 23 month 07 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN / CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*.

I. Về bản thân / Personal information

1/ Họ và tên / *Full name*: Mai Thu Hà/Mai Thu Ha

2/ Giới tính/Sex: Nữ/female

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.*

Ngày cấp/Date of issue: *Nơi cấp/Place of issue:* t

6/ Quốc tịch/*Nationality*: Việt Nam/ Viet Nam

7/ Dân tộc/*Ethnic*: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:



CMC CORPORATION

10/ Địa chỉ email/Email: |

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC/CMC Corporation*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure: Trưởng Ban Kiểm soát/Trưởng Ban Pháp chế/Head of the Supervisory Board/Head of the Legal Department*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies: Trưởng Ban pháp chế Tập đoàn CMC/Head of Legal Department of CMC Corporation.*

14/ Số CP nắm giữ: 9.020 chiếm 0,004% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 9.020, accounting for 0,004% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual: 9.020 cổ phần/shares*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):.....cổ phần/shares*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* / *List of affiliated persons of declarant *:*

Chi tiết vui lòng xem tại Danh sách người có liên quan (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)

Please find the detail information in List of affiliated persons of declarant (attached to Curriculum Vitae)

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Related interest with public company, public fund (if any): Không/None*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không/None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. *I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct, and I will bear the full responsibility under the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Mai Thu Ha

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related person are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport / Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Address	Number of shares owned	Percentage of shares owned
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.	CMG	Mai Thu Hà	Không/No	Trưởng BPC/Head of Legal							9.020	0,004%
2.	CMG	Mai Duy Thái	Không/No	Không/No	Bố đẻ Birth father						0	0,000%
3.	CMG	Nguyễn Thị Hòa	Không/No	Không/No	Mẹ đẻ Birth Mother						0	0,000%

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport / Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Address	Number of shares owned	Percentage of shares owned
4.	CMG	Phạm Thị Nga	Không/No	Không/No	Mẹ chồng Mother - in - law						0	0,000%
5.	CMG	Giang Từ Huy	Không/No	Không/No	Chồng Husband						0	0,000%
6.	CMG	Giang Gia Bảo	Không/No	Không/No	Con Child						0	0,000%
7.	CMG	Giang Hồng Hưng	Không/No	Không/No	Con Child						0	0,000%

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport / Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Address	Number of shares owned	Percentage of shares owned
8.	CMG	Mai Duy Trung	Không/No	Không/No	Anh ruột Older brother						0	0,000%
9.	CMG	Phạm Thị Lan Hương	Không/No	Không/No	Chị dâu Sister-in-law						0	0,000%

(*) Đối với bảng này đề nghị kê khai:

- Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu;
- Các công ty mà Người nội bộ sở hữu trên 10% vốn góp
- Các công ty mà Người nội bộ giữ các chức vụ: Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Người đại diện Pháp luật.

(*) For this table, please declare:

- Biological parents, adoptive parents, parents-in-law, spouse, biological children, adoptive children, children-in-law, biological siblings, and siblings-in-law;

Phụ lục 04. Bảng cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định của HOSE

(Ghi chú: Trường hợp ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tài liệu này sẽ được Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán)

Appendix 04. Curriculum vitae in HOSE's form

(Note: In case the candidate is elected as a member of the Board of Directors or Board of Supervisors, this document will be submitted to the State Securities Commission and Stock Exchange in accordance with the law on securities).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Việt nam, ngày 24 tháng 7 năm 2026
Viet nam, day 24 month 7 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN / CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*.

I. Về bản thân / Personal Information

1/ Họ và tên / *Full name*: JANG SUNG GON

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*: Hàn Quốc/*Korea*

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*:

Ngày cấp/*Date of issue*: Nơi cấp/*Place of issue*: I

6/ Quốc tịch/*Nationality*: Hàn Quốc/*Korea*

7/ Dân tộc/*Ethnic*: Hàn Quốc/*Korea*

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*: I

9/ Số điện/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*: :

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: 0

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Positions in other companies*: Giám đốc tài chính của SDSV IT Biz/ *CFO of SDSV IT Biz*

14/ Số CP nắm giữ: 0 chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 0 , accounting for 0 % of charter capital, of which*:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/ *Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation)*: Không / *None*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*: 0 cổ phần/shares: 0

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/ *Other owning commitments (if any)*: 0 cổ phần/shares

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* / *List of affiliated persons of declarant **:

Chi tiết vui lòng xem tại Danh sách người có liên quan (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)

Please find the detail information in List of affiliated persons of declarant (attached to Curriculum Vitae)

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Related interest with public company, public fund (if any)*: Không / *None*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / *Interest in conflict with public company, public fund (if any)*: Không / *None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ *I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)



JANG SUNG GON

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related person are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

St t	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No .	Secur ities symp ol	Name	Securities trading accounts (if available)	Positio n at the compa ny (if availabl e)	Relations hip with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Address	Number of shares owned	Perce ntage of share s owne d
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CMG	Samsung SDS Vietnam Co., Ltd			Giám đốc Tài chính SDSV IT Biz CFO of SDSV IT Biz	Giấy đăng ký kinh doanh Business Registration Certificate					0	0
2	CMG	Samsung SDS Co., Ltd			Nhân viên Employee	Giấy đăng ký kinh doanh Business Registration Certificate					0	0
3	CMG	KIM DOHEE			Vợ Wife	Hộ chiếu Passport					0	0
4	CMG	JANG JEONGYEON			Con Child	Hộ chiếu Passport					0	0
5	CMG	JANG JINWOO			Con Child	Hộ chiếu Passport					0	0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2026
Hanoi, day 22 month 7 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN / CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC / *CMC Corporation*.

I. Về bản thân / *Personal information*

1/ Họ và tên / *Full name*: **TRẦN MỸ LÊ**

2/ Giới tính/Sex: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*: Hà Nội

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu) / *ID card No. (or Passport No.)*: I

Ngày cấp/*Date of issue*

6/ Quốc tịch/*Nationality*:

7/ Dân tộc/*Ethnic*: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Thành viên Ban kiểm soát

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies*: Giám đốc Công ty Luật TNHH TLA, Giám đốc Công ty TNHH M&A Investment

14/ Số CP nắm giữ: 20.140 cp chiếm % vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares*
20.208 cp, accounting for% of charter capital, of which:.....



CMC CORPORATION

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 20.140 cổ phần/shares

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any):...0.....cổ phần/shares

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* / List of affiliated persons of declarant *:

Chi tiết vui lòng xem tại Danh sách người có liên quan (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)

Please find the detail information in List of affiliated persons of declarant (attached to Curriculum Vitae)

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / Related interest with public company, public fund (if any): Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) / Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)



Trần Mỹ Lệ

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (kèm theo Bảng cung cấp thông tin)
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF DECLARANT (attached to Curriculum Vitae)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

* Related person are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Addresses	Number of shares owned	Percentage of shares owned
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CMG	Trần Ngọc Nhuận			Bố đẻ	Đã mất						
2	CMG	Trần Thị Cúc			Mẹ đẻ						0	0
3	CMG	Đinh Quang Tâm			Bố chồng						0	0
	CMG	Trần Thị Sơn			Mẹ chồng						0	0

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Addresses	Number of shares owned	Percentage of shares owned
3	CMG	Đinh Ngọc Sang			Chồng						0	0
4	CMG	Đinh Đức Minh	VPS:Q85787		Con đẻ						0	0
5	CMG	Đinh Đức Anh	VPS: 860276		Con đẻ						0	0
6	CMG	Đinh Trần Mỹ Anh			Con đẻ						0	0
7	CMG	Trần Đức Sa	VPS: 050208 VND: 019326 TCBS: 105CB80823 ABS: 355306		Em trai						0	0

Stt	Mã CK	Họ tên	TK chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CCCD/ Hộ chiếu/DKDN)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/ internal person	Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	No.	Date of issue	Place of issue	Addresses	Number of shares owned	Percentage of shares owned
			AAS: 580823									
8	CMG	Tô Thị Dung	VPS 255306		Em dâu						0	0
9	CMG	Công ty Luật TNHH TLA		Giám đốc	Công ty mà Người nội bộ sở hữu trên 10% vốn góp						0	0
10	CMG	Công ty TNHH M&A Investment		Giám đốc	Công ty mà người nội bộ là Người đại diện pháp luật						0	0